CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 69/2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2230
ĐẾN Ngày: 11.7.16
Chuyển: Hà Lợi quản

NGHỊ ĐỊNH
Về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán nợ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật chứng khoán thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán.

4. Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán nợ theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

5. Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán nợ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thành lập và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam.

6. Sở giao dịch chứng khoán tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán.

7. Tổ chức, cá nhân (trừ các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này) hoạt động mua bán nợ không phải là hoạt động kinh doanh thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Nợ là nghĩa vụ trả tài sản của bên nợ đối với chủ nợ được thể hiện trong hợp đồng hoặc phát sinh quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Mua bán nợ là việc bên bán nợ chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền đòi nợ và các quyền khác liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ và bên mua nợ trả tiền cho bên bán nợ.

3. Chủ nợ là tổ chức kinh tế, cá nhân, chủ thể giao dịch dân sự khác có quyền đòi nợ.

4. Bên nợ là tổ chức kinh tế, cá nhân, chủ thể giao dịch dân sự khác có nghĩa vụ trả nợ được quy định tại hợp đồng hoặc phát sinh nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

5. Chủ thể giao dịch dân sự khác là các chủ thể tham gia quan hệ giao dịch dân sự khác trừ các đối tượng sau đây:

a) Tổ chức kinh tế, cá nhân;

b) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

c) Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân;

d) Các tổ chức quốc tế hoặc chính phủ quốc gia khác.

6. Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ là việc thực hiện liên tục một hoặc một số hoạt động liên quan đến việc mua bán nợ nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm: Mua nợ, bán nợ, môi giới mua bán nợ, tư vấn mua bán nợ và dịch vụ sàn giao dịch nợ.

7. Hoạt động mua bán nợ không phải là hoạt động kinh doanh là hoạt động mua bán nợ không liên tục, không nhằm mục đích sinh lợi của tổ chức, cá nhân, bao gồm:

a) Hoạt động bán nợ đối với các khoản nợ của chính chủ nợ, không bao gồm các khoản nợ mà chủ nợ đã mua từ các chủ nợ khác;

b) Hoạt động mua nợ không nhằm mục đích bán lại cho tổ chức, cá nhân, bao gồm cả hoạt động mua nợ để chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần; cơ cấu lại thời hạn trả nợ; xử lý tài sản bảo đảm;

c) Các hoạt động mua bán nợ khác không liên tục, không nhằm mục đích sinh lợi.

8. Môi giới mua bán nợ là dịch vụ làm trung gian, dàn xếp việc mua bán nợ giữa các bên mua bán nợ và được hưởng phí dịch vụ môi giới theo thỏa thuận, không bao gồm hoạt động bán đấu giá của các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

9. Tư vấn mua bán nợ là dịch vụ thông qua việc sử dụng kiến thức chuyên môn phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp liên quan đến hoạt động mua, bán nợ; được thực hiện độc lập, khách quan theo yêu cầu của khách hàng và được hưởng phí tư vấn theo thỏa thuận.

10. Dịch vụ sàn giao dịch nợ là việc cung cấp sàn giao dịch nợ, tổ chức việc mua bán nợ; giới thiệu, cung cấp thông tin về nợ cho các bên tham gia có nhu cầu giao dịch; kiểm tra hồ sơ, giấy tờ về nợ bảo đảm đủ điều kiện được giao dịch; làm trung gian cho các bên trao đổi, đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán nợ.

11. Sàn giao dịch nợ là nơi tập trung, tiến hành thường xuyên các hoạt động giao dịch mua bán nợ, tư vấn, môi giới mua bán nợ.

12. Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân thực hiện mua, nhận chuyển nhượng để trở thành chủ nợ mới của khoản nợ.

13. Bên bán nợ là tổ chức, cá nhân sở hữu khoản nợ và thực hiện bán, chuyển nhượng khoản nợ cho bên mua nợ.

14. Bên môi giới là doanh nghiệp thực hiện dịch vụ môi giới mua bán nợ.

15. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ là doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh dịch vụ mua bán nợ (bao gồm cả Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại).

16. Người quản lý của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 4. Nguyên tắc kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

1. Tổ chức (không phải là doanh nghiệp), cá nhân có nhu cầu kinh doanh dịch vụ mua bán nợ phải thành lập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp phải đăng ký ngành nghề kinh doanh dịch vụ mua bán nợ theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp thực hiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ phải đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định này.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, tuân thủ quy định của pháp luật.

Chương II
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ MUA BÁN NỢ

Điều 5. Điều kiện chung đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

1. Doanh nghiệp phải có quy chế quản lý nội bộ về tổ chức, quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ phù hợp với quy định của Nghị định này.

2. Doanh nghiệp phải đáp ứng quy định về mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu tương ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Nghị định này. Trường hợp, doanh nghiệp thực hiện một số hoặc tất cả các hoạt động thì mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu cao nhất trong số các hoạt động mà doanh nghiệp thực hiện.

3. Người quản lý của doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ học vấn từ đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhận;

c) Là người quản lý hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, pháp luật, định giá tài sản hoặc mua bán nợ;

d) Những người đã làm việc trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải đáp ứng thêm điều kiện: Không là người quản lý của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong 03 năm trước liền kề.

Điều 6. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ môi giới mua bán nợ, tư vấn mua bán nợ

1. Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Có mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là 5 tỷ đồng.

Điều 7. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động mua bán nợ

1. Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Có mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.

3. Các khoản nợ được mua bán phải có đầy đủ các yếu tố sau đây:

a) Không có thỏa thuận bằng văn bản về việc không được mua, bán khoản nợ;

b) Không được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự tại thời điểm mua bán nợ, trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của bên nhận bảo đảm về việc bán nợ;

c) Bên mua nợ và bên nợ không phải là người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Việc mua bán nợ phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên liên quan, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia mua bán nợ, trong đó quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của bên mua nợ, bên bán nợ.

5. Doanh nghiệp hoạt động mua bán nợ không được nhận cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng để mua nợ của khách hàng vay tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó hoặc nhận bảo đảm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng để được cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng khác nhằm mục đích mua nợ của khách hàng vay tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bảo đảm.

6. Bên mua nợ, bên bán nợ, bên nợ và các bên liên quan khác phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngoại hối trong trường hợp mua bán nợ hình thành quan hệ cho vay, vay nợ nước ngoài và sử dụng ngoại hối trong giao dịch mua bán nợ.

Điều 8. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch nợ

1. Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Có mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là 500 tỷ đồng.

3. Đã hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ ít nhất 01 năm và mức doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ của năm liền kề trước năm thực hiện kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch tối thiểu là 500 tỷ đồng.

4. Có ít nhất 02 nhân viên có chứng chỉ kiểm toán viên hoặc ít nhất 02 nhân viên có thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của pháp luật.

5. Có quy chế hoạt động của sàn giao dịch nợ, tối thiểu bao gồm:

a) Quy trình, thủ tục, trách nhiệm của các thành viên tham gia sàn giao dịch nợ và quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp sàn giao dịch nợ;

b) Điều kiện các khoản nợ dự kiến được niêm yết trên sàn giao dịch;

c) Tổ chức quản lý, giám sát giao dịch, trong đó có quy định về cung cấp, lưu trữ thông tin về các khoản nợ dự kiến được niêm yết trên sàn giao dịch;

d) Thời gian, phương thức xác lập và hủy bỏ giao dịch;

đ) Phương thức thanh toán và quy định bảo đảm thanh toán cho các bên;

e) Xử lý tranh chấp.

6. Có cơ sở, vật chất kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin phù hợp để tiếp nhận, cập nhật, cung cấp thông tin về hoạt động mua bán nợ giữa các thành viên tham gia sàn giao dịch.

7. Phải thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm theo quy định của pháp luật.

Chương III
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ MUA BÁN NỢ

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

2. Thực hiện quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

3. Hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn tỉnh, thành phố và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với những hành vi vi phạm hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

2. Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn tỉnh, thành phố theo định kỳ, đột xuất.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về tình hình cấp, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ theo định kỳ, đột xuất.

Điều 12. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ theo quy định của Nghị định này đối với công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp đã thực hiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện như sau:

1. Trường hợp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp phải có văn bản gửi cơ quan đăng ký kinh doanh để báo cáo.

2. Trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp phải có văn bản gửi cơ quan đăng ký kinh doanh để báo cáo; có biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định này, trong đó bao gồm cả biện pháp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).B 225

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc